

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

I. Thông tin chung về học phần

Tên học phần: **Logic học**

Mã học phần: NAS205

Số tín chỉ: 02

Đối tượng học: Hệ đại học, ngành Luật

Loại học phần (Bắt buộc/Tự chọn): Tự chọn

Môn tiên quyết/Môn học trước: Không

Đơn vị phụ trách: Khoa Kế toán - Tài chính

Thông tin giảng viên:

Giảng viên phụ trách:

II. Mô tả học phần

Học phần Logic học đại cương cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về bản chất của khái niệm tư duy và tư duy logic, đối tượng, phương pháp nghiên cứu, khái lược lịch sử và ý nghĩa của việc nghiên cứu logic học. Học phần cũng hướng tới làm rõ về đặc điểm, kết cấu logic của các hình thức tư duy như: khái niệm, phán đoán, suy luận. Phân tích và chứng minh các thao tác, các quy tắc logic. Đồng thời làm rõ những nội dung, cơ sở khách quan, yêu cầu và ý nghĩa của quy luật tư duy logic. Bản chất và vai trò của giả thuyết, chứng minh, bác bỏ. Việc học tập và nghiên cứu logic học sẽ giúp sinh viên có được những cơ sở lý thuyết và vận dụng những kiến thức logic vào thực tiễn cuộc sống, đặc biệt là trong lĩnh vực hoạt động của pháp luật. Hình thành được phương pháp tư duy, suy luận, nhận thức các sự vật hiện tượng xã hội một cách khách quan trên cơ sở khoa học.

III. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần

1. Mục tiêu:

Giúp cho sinh viên hiểu được hệ thống các tri thức về các hình thức, kết cấu, các quy tắc, quy luật của tư duy, đặc biệt là các thao tác logic đối với khái niệm, phán đoán, suy luận, chứng minh, bác bỏ và các phương pháp xây dựng giả thuyết khoa học. Hình thành kỹ năng lập luận, thuyết trình, phản biện và sử dụng thành thạo các thao tác logic trong khái niệm, phán đoán, suy luận. Có thái độ chủ động với phương pháp tư duy độc lập, có thái độ trung thực và tôn trọng các quy luật khách quan.

2. Chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra của học phần Sau khi học xong học phần này, người học có thể:	Đáp ứng PLOs Cử nhân Luật
Kiến thức	

CLO1	Hiểu được đối tượng, phương pháp nghiên cứu của khoa học logic	PLO1
CLO2	Hiểu và áp dụng kiến thức logic học vào quá trình tư duy, lập luận chặt chẽ có căn cứ khoa học	PLO1
CLO3	Có khả năng phân tích các quy luật cơ bản của tư duy logic, nguồn gốc, bản chất và quan hệ của các khái niệm, phán đoán, suy luận.	PLO1
CLO4	Có thể chỉ ra được những yêu cầu về phương pháp xây dựng giả thuyết khoa học, chứng minh, bác bỏ.	PLO1
Kỹ năng		
CLO5	Áp dụng các công thức, thực hiện các thao tác logic trong khái niệm, phán đoán, suy luận	PLO5
CLO6	Có kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình và phản biện vấn đề	PLO9
CLO7	Áp dụng vào thực tế chỉ ra được các lỗi logic trong văn bản và các lập luận	PLO13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CLO8	Hình thành thói quen tư duy độc lập, tôn trọng những quy luật khách quan trong quá trình lập luận và phản biện	PLO11
CLO9	Có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường làm việc khác nhau	PLO12

Ghi chú: *PLOs (Programme Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra cấp CTĐT*

CLOs (Course Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra học phần

3. Mức độ đóng góp của học phần cho PLOs

Học phần này đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Cử nhân Luật theo mức độ sau: (bảng sau đây là trích ngang của matrix: Sự đóng góp của mỗi học phần cho PLOs của CTĐT Cử nhân Luật)

L (Low): Đóng góp ít/liên quan ít

M (Medium): Đóng góp không nhiều/liên quan không nhiều

H (High): Đóng góp nhiều/liên quan nhiều

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho PLOs của CTĐT														
		PL O 1	PL O 2	PL O 3	PL O 4	PL O 5	PL O 6	PL O 7	PL O 8	PL O 9	PL O 10	PL O 11	PL O 12	PL O 13	PL O 14	PL O 15
NAS 205	Logic học đại cương	H				M				H		M	M	M		

IV. Nội dung

1. Phân bố thời gian và điều kiện thực hiện

STT	Tên chương	Lý thuyết (tiết)	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập (tiết)	Dụng cụ và trang thiết bị cần thiết
1	Chương 1: Đối tượng và ý nghĩa của logic học	3	3	Bảng, phấn, máy chiếu, giáo trình
2	Chương 2: Khái niệm	6	7	
3	Chương 3: Phán đoán	5	7	
4	Chương 4: Suy luận	6	7	
5	Chương 5: Quy luật cơ bản của tư duy logic	6	3	
6	Chương 6: Giả thuyết, Chứng minh, Bác bỏ	4	3	
Tổng		30	30	

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Đối tượng và ý nghĩa của logic học

1.1. Đối tượng, phương pháp nghiên cứu của logic học

1.1.1. Logic học là gì?

1.1.2. Tư duy logic

1.1.3. Đối tượng nghiên cứu của logic học

1.1.4. Phương pháp nghiên cứu của logic học

1.2. Khái lược về lịch sử phát triển và ý nghĩa của việc nghiên cứu logic học

1.2.1. Khái lược về lịch sử phát triển của khoa học logic

1.2.2. Ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu logic học

Chương 2: Khái niệm

2.1. Bản chất của khái niệm

2.1.1. Khái niệm là gì?

2.1.2. Đặc trưng cơ bản của khái niệm

2.1.3. Hình thức ngôn ngữ biểu đạt khái niệm

2.2. Kết cấu logic của khái niệm

2.2.1. Nội hàm của khái niệm

2.2.2. Ngoại diên của khái niệm

2.2.3. Quan hệ giữa nội hàm và ngoại diên của khái niệm

2.3. Quan hệ giữa các khái niệm

2.3.1. Quan hệ phù hợp

2.3.1.1. Quan hệ đồng nhất

2.3.1.2. Quan hệ thứ bậc

- 2.3.1.3. Quan hệ giao nhau
- 2.3.2. Quan hệ không phù hợp
- 2.4.2.1. Quan hệ đồng vị
- 2.4.2.2. Quan hệ mâu thuẫn
- 2.4.2.3. Quan hệ đối lập
- 2.3.3. Các khái niệm tách rời
- 2.4. *Các thao tác logic đối với khái niệm*
- 2.4.1. Định nghĩa khái niệm
- 2.4.1.1. Các quy tắc định nghĩa khái niệm
- 2.4.1.2. Các phương pháp định nghĩa khái niệm
- 2.4.2. Thu hẹp và mở rộng khái niệm
- 2.4.2.1. Thu hẹp khái niệm
- 2.4.2.2. Mở rộng khái niệm
- 2.4.3. Phân chia khái niệm
- 2.4.3.1. Các quy tắc phân chia khái niệm
- 2.4.3.2. Các phương pháp phân chia khái niệm

Chương 3: Phán đoán

- 3.1. *Bản chất của phán đoán*
- 3.1.1. Phán đoán là gì?
- 3.1.2. Đặc trưng cơ bản của phán đoán
- 3.1.3. Hình thức ngôn ngữ biểu đạt phán đoán
- 3.2. *Phán đoán đơn*
- 3.2.1. Phán đoán đơn là gì?
- 3.2.2. Kết cấu logic của phán đoán đơn
- 3.2.3. Các loại phán đoán đơn
- 3.2.4. Mối quan hệ về giá trị logic của phán đoán đơn cơ bản
- 3.2.5. Tính chu diên của các thuật ngữ (khái niệm) trong các phán đoán đơn cơ bản: A, E, I, O.
- 3.3. *Phán đoán phức*
- 3.3.1. Phán đoán phức là gì?
- 3.3.2. Các loại phán đoán phức
- 3.3.2.1. Phán đoán liên kết - phép hội
- 3.3.2.2. Phán đoán lựa chọn - phép tuyển
- 3.3.2.3. Phán đoán kéo theo - phép kéo theo
- 3.3.2.4. Phủ định phán đoán - phép phủ định
- 3.3.2.5. Phán đoán tương đương (đẳng trị) – Phép tương đương

Chương 4: Suy luận

- 5.1. *Bản chất của suy luận*
- 5.1.1. Suy luận là gì?
- 5.1.2. Bản chất của suy luận

5.1.3. Các loại suy luận

5.2. *Suy luận diễn dịch(Suy diễn)*

5.2.1. Suy luận diễn dịch trực tiếp

5.2.1.1. Biến đổi phán đoán đơn

5.2.1.2. Dựa vào tính đẳng trị của các phán đoán phức

5.2.1.3. Dựa vào hình vuông logic

5.2.2. Suy luận diễn dịch gián tiếp

5.2.2.1. Suy luận diễn dịch gián tiếp là gì?

5.2.2.2. Các loại suy luận diễn dịch gián tiếp

5.2.2.2.1. Suy luận diễn dịch gián tiếp đơn

5.2.2.2.2. Suy luận diễn dịch gián tiếp phức

5.3. *Suy luận quy nạp*

5.3.1. Suy luận quy nạp là gì?

5.3.2. Các loại suy luận quy nạp

5.3.2.1. Quy nạp hoàn toàn

5.3.2.2. Quy nạp không hoàn toàn

5.3.2.2.1. Quy nạp phổ thông

5.3.2.2.2. Quy nạp khoa học

5.3.3. Các phương pháp tìm mối liên hệ nhân - quả

5.4. *Suy luận tương tự*

5.4.1. Suy luận tương tự là gì?

5.4.2. Phân loại suy luận tương tự

5.4.3. Ý nghĩa.

Chương 5: Quy luật cơ bản của tư duy logic

4.1. *Bản chất của quy luật tư duy*

4.1.2. Quy luật tư duy logic là gì?

4.1.3. Đặc điểm của quy luật tư duy logic

4.2. *Các quy luật cơ bản của tư duy logic*

4.2.1. Quy luật đồng nhất

4.2.1. Nội dung quy luật

4.2.1.2. Cơ sở khách quan của quy luật

4.2.1.3. Yêu cầu của quy luật

4.2.1.4. Ý nghĩa của quy luật

4.2.2. Quy luật cấm mâu thuẫn

4.2.2.1. Nội dung quy luật

4.2.2.2. Cơ sở khách quan của quy luật

4.2.2.3. Yêu cầu của quy luật

4.2.2.4. Ý nghĩa của quy luật

4.2.3. Quy luật loại bài trung

4.2.3.1. Nội dung quy luật

4.2.3.2. Cơ sở khách quan của quy luật

4.2.3.3. Yêu cầu của quy luật

4.2.3.4. Ý nghĩa của quy luật

4.2.4. Quy luật lí do đầy đủ

4.2.4.1. Nội dung quy luật

4.2.4.2. Cơ sở khách quan của quy luật

4.2.4.3. Yêu cầu của quy luật

4.2.4.4. Ý nghĩa của quy luật

Chương 6: Giả thuyết, Chứng minh, Bác bỏ

6.1. Giả thuyết

6.1.1. Bản chất của giả thuyết

6.1.2. Xây dựng và kiểm tra giả thuyết

6.2. Chứng minh

6.2.1. Bản chất của chứng minh

6.2.2. Các quy tắc chứng minh

6.2.3. Các phương pháp chứng minh

6.3. Bác bỏ

6.3.1. Bản chất của bác bỏ

6.3.2. Các quy tắc bác bỏ

V. Phương pháp đánh giá học phần

1. Điểm đánh giá quá trình

Bao gồm:

- Điểm chuyên cần: Điểm danh, tích cực tham gia thảo luận, làm bài tập trên lớp; trọng số 20%
- Điểm kiểm tra thường xuyên: 03 bài trọng số 30%

2. Điểm thi kết thúc học phần:

Hình thức thi: tự luận, trọng số 50%

VI. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết giảng trên lớp
- Hỏi - đáp trực tiếp
- Giao bài đọc về nhà
- Thảo luận nhóm
- Hướng dẫn tự học.

2. Phương pháp học tập

- Sinh viên tham gia nghe giảng
- Sinh viên đọc bài giảng và các tài liệu liên quan, từ đó phát triển giả thuyết và đặt câu hỏi
- Sinh viên tích cực tham gia các hoạt động trên lớp

- Trao đổi kỹ năng học nhóm, làm tiểu luận; chấp hành các quy định về thời gian lên lớp, thời hạn nộp bài, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra và tìm kiếm thông tin.

VII. Tài liệu học tập

1. Tài liệu chính

1. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình logic học*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 1998, 2002, 2013

2. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Đức Dân, *Nhập môn logic hình thức*, Nxb. ĐHQG Thành phố Hồ Chí Minh, 2008.
2. Nguyễn Như Hải, *Logic học đại cương*, Nxb. Giáo dục, 2007.
3. Tô Duy Hợp và Nguyễn Anh Tuấn, *Giáo trình logic học*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 2001.
4. Vương Tất Đạt, *Logic học*, Nxb. ĐHQG, Hà Nội, 1997.
5. Lê Doãn Tá, Tô duy Hợp và Vũ Trọng Dung. *Giáo trình Logic học*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà nội 2004.
6. Hỏi đáp Logic học đại cương, Nguyễn Anh Tuấn, NXB Đại học Quốc gia hà nội, 2011.

TP.Hồ Chí Minh , ngày tháng năm 2021

**TRƯỞNG KHOA
KẾ TOÁN – TÀI CHÍNH**

Giảng viên biên soạn